

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Vĩnh Ảnh.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Việt D, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Kim L; địa chỉ: đường L, khóm C, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Kim L là ông Trương Hoài P – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường P, phường K, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Khắc D; địa chỉ: đường X, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/8/2019, nguyên đơn bà Trương Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Kim L và ông Trần Khắc D tự nguyện kết hôn vào năm 1997, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/1997; Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã không còn hiểu và thông cảm cho nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 con chung tên Trần Thiếu Q, sinh ngày 10/11/1998 và Trần Thiếu H, sinh ngày 28/7/2004 hiện đang sống cùng bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thiếu H, sinh ngày 28/7/2004, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Đối với cháu Trần Thiếu Q, sinh ngày 10/11/1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trương Kim L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trương Kim L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Kim L cho bà L được ly hôn với ông Trần Khắc D; Về con chung giao cháu Trần Thiếu H, sinh ngày 28/7/2004 cho bà Trương Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Kim L, bị đơn ông Trần Khắc D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Hoài P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà L, ông P vắng mặt có đơn xin vắng mặt còn ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp

tục xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Kim L và ông Trần Khắc D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo bà L trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà được ly hôn với ông Trần Khắc D.

Về con chung: Theo bà L trình bày trong thời gian chung sống ông, bà có 02 con chung tên Trần Thiếu Q, sinh ngày 10/11/1998 và Trần Thiếu H, sinh ngày 28/7/2004. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thiếu H. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông bà sống ly thân (từ năm 2007) cho đến nay cháu Trần Thiếu H do bà Trương Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Thiếu H (Bút lục số 23) thì cháu H có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là bà Trương Kim L. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu Trần Thiếu H cho bà Trương Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Trần Thiếu Q, sinh ngày 10/11/1998 đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, trong quá trình giải quyết vụ án bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trương Kim L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Trương Kim L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Kim L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Kim L được ly hôn ông Trần Khắc D.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Thiệu H, sinh ngày 28/7/2004 cho bà Trương Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.
Về cấp dưỡng nuôi con do bà Trương Kim L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
Ông Trần Khắc D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thiệu H mà không ai có quyền ngăn cản.
Đối với cháu Trần Thiệu Q, sinh ngày 10/11/1998 đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, trong quá trình giải quyết vụ án bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Trương Kim L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Bà Trương Kim L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Bà Trương Kim L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007796 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bà Trương Kim L, ông Trần Khắc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND phường A, TPS, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Uyên